



## BẢN THÔNG TIN AN TOÀN

theo Hệ Thống Hải Hòa Toàn Cầu

**BẢN THÔNG TIN AN TOÀN**  
SỐ: 084983

### MULTIS EP 0

Ngày phát hành: 2016-03-24

Ngày sửa đổi: 2020-03-03

Phiên bản 1.02

#### 1. NHẬN DẠNG ĐƠN CHẤT HOẶC HỖN HỢP VÀ THÔNG TIN NHÀ CUNG CẤP

##### Nhận dạng sản phẩm

Tên sản phẩm MULTIS EP 0

##### Các cách thức nhận dạng khác

Số Đơn chất/hỗn hợp D14 Hỗn hợp

##### Ứng dụng sản phẩm và các hạn chế khi sử dụng

Ứng dụng sản phẩm: Mỡ bôi trơn.  
Khi sử dụng cần tránh: Không được dùng cho mục đích nào khác ngoài mục đích chủ định ban đầu.

##### Chi tiết về nhà cung cấp Bản thông tin an toàn

Nhà cung cấp: Công ty TNHH TOTAL VIỆT NAM  
Lô số 3, Khu công nghiệp Gò Dầu  
Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam  
Điện thoại: +84 251 3543056  
Fax: +84 251 3543694

##### Để biết thêm thông tin, xin liên hệ:

Nơi liên hệ: HSE  
Địa chỉ e-mail: ms.ap-sds@total.com

##### Điện Thoại Khẩn cấp

Vietnam: +84 28 4458 2388  
Asia-Pacific: +65 3158 1074

#### 2. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM

##### Phân loại đơn chất hoặc hỗn hợp

Sản phẩm này không được phân loại là nguy hại theo Hệ Thống Hải Hòa Toàn Cầu (GHS)

##### Các chi tiết về nhãn hóa chất, bao gồm thông báo phòng ngừa

Từ cảnh báo Không có

Cảnh báo nguy cơ Không có



## BẢN THÔNG TIN AN TOÀN

theo Hệ Thống Hải Hòa Toàn Cầu

**BẢN THÔNG TIN AN TOÀN**  
SỐ: 084983

### MULTIS EP 0

Ngày phát hành: 2016-03-24

Ngày sửa đổi: 2020-03-03

Phiên bản 1.02

#### Các nguy cơ khác không đề cập trong phân loại

Tính chất lý hóa Bề mặt bị dính dầu sẽ rất trơn

### 3. THÀNH PHẦN CẤU TẠO / THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN

#### Hỗn hợp

Tính chất hóa học Dầu khoáng có nguồn gốc từ dầu mỏ

Tên hóa học	Số CAS	Số EC	% khối lượng
Paraffin oils (petroleum), catalytic dewaxed heavy	64742-70-7	265-174-4	10-<20
Phosphorodithioic acid, mixed O,O-bis(iso-Bu and pentyl) esters, zinc salts	68457-79-4	270-608-0	1-<2.5

Thông tin thêm Sản phẩm chứa dầu khoáng với ít hơn 3% chiết suất DMSO được đo bởi IP 346

### 4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

#### Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

<b>Khuyến nghị chung</b>	TRONG TRƯỜNG HỢP TÌNH TRẠNG NGHIÊM TRỌNG HOẶC KÉO DÀI, HÃY GỌI BÁC SĨ HOẶC TRUNG TÂM CHĂM SÓC Y TẾ KHẨN CẤP.
<b>Tiếp xúc với mắt</b>	Rửa mắt ngay lập tức bằng thật nhiều nước. Sau khi rửa lần đầu, tháo bỏ kính áp tròng nếu có và tiếp tục rửa trong thời gian ít nhất là 15 phút. Mở to mắt khi rửa.
<b>Tiếp xúc với da</b>	Ngay lập tức rửa sạch bằng xà phòng và thật nhiều nước trong khi cởi bỏ tất cả quần áo và giày bị nhiễm bẩn. Giặt sạch quần áo bị nhiễm bẩn trước khi sử dụng lại. Các tia phun với áp lực cao có thể gây tổn thương da. Đưa ngay nạn nhân đến bệnh viện.
<b>Hít phải</b>	Đưa nạn nhân đến nơi thoáng khí và để nghỉ ngơi trong tư thế phù hợp để thở. Nếu nạn nhân ngừng thở, làm hô hấp nhân tạo.
<b>Ăn vào</b>	Súc sạch miệng với nước. Không được ép nôn. Không đưa bất cứ vật gì vào miệng nạn nhân bị bất tỉnh. Gọi bác sĩ hoặc trung tâm chống độc ngay lập tức.
<b>Bảo vệ người sơ cứu</b>	Người sơ cứu cần tự bảo vệ mình. Xem Phần 8 để biết thêm chi tiết. Không được dùng phương pháp miệng-kè-miệng nếu nạn nhân đã nuốt hoặc hít phải hóa chất; hô hấp nhân tạo với sự trợ giúp của một khẩu trang bỏ túi có trang bị van một chiều hoặc thiết bị y tế hỗ



## BẢN THÔNG TIN AN TOÀN

theo Hệ Thống Hải Hòa Toàn Cầu

**BẢN THÔNG TIN AN TOÀN**  
SỐ: 084983

### MULTIS EP 0

Ngày phát hành: 2016-03-24

Ngày sửa đổi: 2020-03-03

Phiên bản 1.02

trợ hô hấp phù hợp khác.

#### Các triệu chứng và ảnh hưởng quan trọng nhất, cấp tính và lâu dài

Tiếp xúc với da	không được phân loại dựa trên các dữ liệu có sẵn. Phun sản phẩm với áp lực cao vào da có thể gây hậu quả nghiêm trọng ngay cả khi không xuất hiện triệu chứng hoặc tổn thương.
Tiếp xúc với mắt	không được phân loại dựa trên các dữ liệu có sẵn.
Hít phải	không được phân loại dựa trên các dữ liệu có sẵn.
Ăn vào	không được phân loại dựa trên các dữ liệu có sẵn. Ăn phải có thể gây kích ứng đường tiêu hoá, buồn nôn, nôn và tiêu chảy.

#### Chỉ dẫn về chăm sóc y tế tức thời và các xử lý đặc biệt nếu cần

Các lưu ý cho y bác sỹ Điều trị theo triệu chứng.

### 5. CÁC BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

#### Chất dập lửa phù hợp

Chất dập lửa phù hợp	Cacbon đioxit (CO <sub>2</sub> ). Bột ABC. Bột. Nước phun hoặc phun sương.
Chất dập lửa không phù hợp	Không sử dụng dòng nước phun thẳng vì có thể tỏa ra và làm lửa lan rộng.

#### Các nguy hại đặc biệt phát sinh từ hóa chất

Mối nguy đặc biệt	Việc đốt cháy không hoàn toàn và sự phân hủy do nhiệt có thể sinh ra nhiều loại khí độc hại khác nhau như là: CO, CO <sub>2</sub> , các hydrocarbons, Aldehyde và muối. Có thể có mối nguy hiểm cao nếu hít phải các khí trên trong không gian kín hoặc nồng độ cao. Sản phẩm cháy bao gồm lưu huỳnh oxit ( SO <sub>2</sub> và SO <sub>3</sub> ) và hydro sunphua H <sub>2</sub> S, Mecaptan, Các oxit nito (NO <sub>x</sub> ), Oxit photphoric, Kẽm oxit.
-------------------	--

#### Khuyến nghị cho lính cứu hỏa

Thiết bị bảo hộ đặc biệt cho lính cứu hỏa	Mang thiết bị thở độc lập và quần áo bảo vệ.
Các thông tin khác	Làm mát các vật chứa/bồn chứa bằng nước phun. Các tro còn lại và nước ô nhiễm từ việc chữa cháy phải được xử lý theo quy định của địa phương.

### 6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

#### Các biện pháp phòng ngừa, trang thiết bị bảo hộ cá nhân và quy trình ứng cứu khẩn cấp

Thông tin chung	Không chạm vào hoặc đi bộ trong vùng sản phẩm bị tràn đổ. Bề mặt bị dính dầu sẽ rất trơn.
-----------------	---



## BẢN THÔNG TIN AN TOÀN

theo Hệ Thống Hải Hòa Toàn Cầu

**BẢN THÔNG TIN AN TOÀN**  
SỐ: 084983

### MULTIS EP 0

Ngày phát hành: 2016-03-24

Ngày sửa đổi: 2020-03-03

Phiên bản 1.02

Sử dụng các thiết bị bảo hộ cá nhân. Đảm bảo thông gió đầy đủ. Di chuyển tất cả các nguồn gây cháy.

#### Đề phòng về mặt môi trường

##### Thông tin chung

Không để vật liệu gây nhiễm bẩn hệ thống nước ngầm. Ngăn không cho chảy vào kênh lạch, cống rãnh, hầm hoặc không gian kín. Các cấp có thẩm quyền của địa phương sẽ được hỏi ý kiến nếu lượng dầu tràn ra đáng kể không thể kiểm soát được.

#### Phương pháp và vật liệu cho việc chứa và làm sạch

##### Phương pháp chứa

Nếu cần thiết, ngăn sản phẩm bằng cách đắp bờ bao bằng đất khô, cát khô hay các vật liệu không cháy tương tự.

##### Các phương pháp làm sạch

Thải bỏ các sản phẩm/thùng chứa theo quy định địa phương. Trong trường hợp ô nhiễm đất, loại bỏ đất bị ô nhiễm để xử lý hoặc hủy bỏ, phù hợp với các quy định địa phương.

#### Các thông tin khác

##### Trang thiết bị bảo hộ cá nhân.

Xem Phần 8 để biết thêm chi tiết.

##### Xử lý chất thải

Xem phần 13.

## 7. THAO TÁC VÀ TỒN TRỮ

#### Các biện pháp phòng ngừa để thao tác an toàn

##### khuyến nghị cho việc thao tác an toàn

Về bảo hộ cá nhân, xem phần 8. Chỉ sử dụng tại các khu vực thoáng khí. Tránh tiếp xúc với da, mắt và quần áo.

##### Phòng tránh cháy nổ

Thực hiện các biện pháp phòng ngừa để tránh sự phóng tĩnh điện.

##### Các biện pháp vệ sinh

Đảm bảo áp dụng các biện pháp vệ sinh nghiêm ngặt cho người có nguy cơ tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm. Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng. Rửa tay trước khi nghỉ giải lao và ngay sau khi thao tác với sản phẩm. Vệ sinh thiết bị, nơi làm việc và quần áo thường xuyên. Không sử dụng chất mài mòn, dung môi hoặc nhiên liệu. Không lau khô tay bằng giẻ đã nhiễm bẩn từ sản phẩm. Không nhét giẻ nhiễm bẩn vào túi quần áo.

#### Các điều kiện tồn trữ an toàn và những điều cần tránh

##### Biện pháp kỹ thuật/Điều kiện lưu trữ

Để xa đồ ăn, thức uống và thức ăn cho vật nuôi. Giữ trong khu vực có bờ bao. Luôn đậy chặt nắp vật chứa. Nên giữ trong thùng chứa ban đầu. Nếu không thì sao chép tất cả các chỉ dẫn quy định của nhãn gốc dán lên thùng chứa mới. Không bỏ các nhãn nguy hại trên các thùng chứa (ngay cả khi thùng chứa rỗng). Thiết kế việc lắp đặt để tránh sự cố văng sản phẩm (ví dụ seal bị hư hỏng) vào bề mặt nóng hoặc tiếp xúc với điện. Lưu trữ ở nhiệt độ phòng. Bảo vệ khỏi hơi ẩm.

##### Các vật liệu cần tránh

Các chất oxy hóa mạnh.



## BẢN THÔNG TIN AN TOÀN

theo Hệ Thống Hải Hòa Toàn Cầu

**BẢN THÔNG TIN AN TOÀN**  
SỐ: 084983

### MULTIS EP 0

Ngày phát hành: 2016-03-24

Ngày sửa đổi: 2020-03-03

Phiên bản 1.02

#### **8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM / BẢO HỘ CÁ NHÂN**

##### Các thông số kiểm soát

##### Các giới hạn phơi nhiễm

Sương dầu khoáng:

USA: OSHA (PEL) TWA 5 mg/m<sup>3</sup>, NIOSH (REL) TWA 5 mg/m<sup>3</sup>, STEL 10 mg/m<sup>3</sup>, ACGIH (TLV) TWA 5 mg/m<sup>3</sup> (tinh chế cao)

##### Các kiểm soát kỹ thuật phù hợp

##### Các biện pháp kỹ thuật

Áp dụng các biện pháp kỹ thuật nhằm tuân thủ giới hạn tiếp xúc nghề nghiệp. Đảm bảo có sự thông gió đầy đủ, đặc biệt tại những không gian kín. Khi làm việc trong không gian kín (bồn chứa, bể chứa, ...), phải chắc chắn đủ không khí để thở và mang thiết bị bảo hộ được khuyến nghị.

##### Các biện pháp bảo vệ cá nhân, như thiết bị bảo hộ cá nhân (PPE)

##### Trang thiết bị bảo hộ cá nhân.

##### Thông tin chung

Các biện pháp kiểm soát kỹ thuật phải được thực hiện và áp dụng trước khi xem xét đến các biện pháp kiểm soát bằng bảo hộ cá nhân. Những khuyến nghị này áp dụng cho các sản phẩm như đã cung cấp.

##### Bảo vệ hệ hô hấp

Không có trong những điều kiện sử dụng bình thường. Khi công nhân phải đối mặt với nồng độ cao hơn giới hạn phơi nhiễm họ phải sử dụng mặt nạ phòng độc được chứng nhận phù hợp. Mặt nạ phòng độc với bộ lọc kết hợp hơi / hạt (EN 14387): Loại A/P1. Cảnh báo ! Các bộ lọc có thời gian sử dụng giới hạn. Sử dụng mặt nạ dưỡng khí phải tuân thủ nghiêm ngặt theo hướng dẫn của nhà sản xuất và các quy định cho sự lựa chọn và sử dụng.

##### Bảo vệ mắt

Nếu có sự bắn tóe xảy ra, mang: Kính bảo hộ có gờ chắn kính. EN 166.

##### Bảo vệ da và cơ thể

Mặc quần áo bảo hộ thích hợp. Giày hoặc ủng bảo hộ. Quần áo dài tay. Loại 4/6.

##### Bảo vệ tay

Găng tay chịu được hydrocacbon: Cao su flo hóa, Cao su nitrile. Trong trường hợp tiếp xúc lâu với sản phẩm, khuyến nghị mang găng tay đáp ứng tiêu chuẩn EN 420 và EN 374, bảo vệ tối thiểu 480 phút và có độ dày tối thiểu là 0,38 mm. Những giá trị này chỉ là giá trị biểu thị. Mức độ bảo vệ tùy thuộc vào vật liệu và đặc tính kỹ thuật của găng tay, khả năng chịu được hóa chất đang thao tác, việc sử dụng phù hợp và tần suất thay thế găng tay. Xem các hướng dẫn về tính thấm và thời gian thấm do nhà cung cấp găng tay đưa ra. Cũng cần xem xét các điều kiện sử dụng sản phẩm cụ thể như nguy cơ bị cắt, mài mòn và thời gian tiếp xúc.



## BẢN THÔNG TIN AN TOÀN

theo Hệ Thống Hải Hòa Toàn Cầu

**BẢN THÔNG TIN AN TOÀN**  
SỐ: 084983

### MULTIS EP 0

Ngày phát hành: 2016-03-24

Ngày sửa đổi: 2020-03-03

Phiên bản 1.02

#### 9. ĐẶC TÍNH VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC

##### Thông tin chung

Màu sắc	màu nâu
Trạng thái vật lý ở 20°C	rắn
Mùi	Không có thông tin
Ngưỡng phát hiện mùi	Không có thông tin

##### Thông tin quan trọng về sức khỏe, an toàn và môi trường

<u>Đặc tính</u>	<u>giá trị</u>	<u>Ghi chú</u>	<u>Phương pháp</u>
độ pH		Không áp dụng	
Điểm nóng chảy/phạm vi		Không có thông tin	
Điểm sôi/phạm vi		Không áp dụng	
Điểm chớp cháy		Không có thông tin	
Tỉ lệ bay hơi		Không có thông tin	
Các giới hạn bắt cháy trong không khí		Không có thông tin	
Áp suất hơi		Không có thông tin	
Tỷ khối hơi		Không có thông tin	
Tỷ trọng tương đối		Không có thông tin	
Tỉ trọng	~ 900 kg/m <sup>3</sup>	@ 20 °C	
Khả năng tan trong nước		Không có thông tin	
Tính tan trong các dung môi khác		Không có thông tin	
logPow		Không có thông tin	
Nhiệt độ tự bốc cháy		Không có thông tin	
Nhiệt độ phân hủy		Không có thông tin	
Độ nhớt động học		Không áp dụng	
Các đặc tính nổ		Không có thông tin	
Tính oxy hóa		Không có thông tin	
Khả năng xảy ra các phản ứng nguy hại		Không có dữ liệu	

##### Các thông tin khác



## BẢN THÔNG TIN AN TOÀN

theo Hệ Thống Hải Hòa Toàn Cầu

**BẢN THÔNG TIN AN TOÀN**  
SỐ: 084983

## MULTIS EP 0

Ngày phát hành: 2016-03-24

Ngày sửa đổi: 2020-03-03

Phiên bản 1.02

**Điểm đồng đặc**

Không có thông tin

### 10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG

**Khả năng phản ứng**

Không có khi chế biến thông thường.

**Độ bền hóa học**

Ổn định trong các điều kiện tồn trữ được khuyến nghị.

**Khả năng xảy ra các phản ứng nguy hại** Không có phản ứng nguy hiểm nào được biết đến trong điều kiện sử dụng thông thường.

**Các điều kiện cần tránh**

Để xa các ngọn lửa trần, các bề mặt nóng và các nguồn gây cháy. Tránh xa nhiệt, tia lửa.

**Các vật liệu cần tránh**

Các chất oxy hóa mạnh.

**Các sản phẩm phân hủy nguy hại**

Việc đốt cháy không hoàn toàn và sự phân hủy do nhiệt có thể sinh ra nhiều loại khí độc hại như: CO, CO<sub>2</sub>, các hydrocarbon khác, aldehydes và muội. Sản phẩm cháy bao gồm lưu huỳnh oxit ( SO<sub>2</sub> và SO<sub>3</sub> ) và hydro sunphua H<sub>2</sub>S, Mecaptan, Các oxit nitơ (NO<sub>x</sub>), Oxit photphoric, Kẽm oxit.

### 11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

**Thông tin về các đường phơi nhiễm có khả năng xảy ra**

**Hít phải**

không được phân loại dựa trên các dữ liệu có sẵn.

**Ăn vào**

không được phân loại dựa trên các dữ liệu có sẵn. Ăn phải có thể gây kích ứng đường tiêu hoá, buồn nôn, nôn và tiêu chảy.

**Tiếp xúc với da**

không được phân loại dựa trên các dữ liệu có sẵn. Phun sản phẩm với áp lực cao vào da có thể gây hậu quả nghiêm trọng ngay cả khi không xuất hiện triệu chứng hoặc tổn thương.

**Tiếp xúc với mắt**

không được phân loại dựa trên các dữ liệu có sẵn.

**Triệu chứng liên quan đến tính chất vật lý, hóa học và độc tính**

**Triệu chứng**

Không có thông tin.

**Các ảnh hưởng chậm và ngay lập tức cũng như các ảnh hưởng mãn tính từ tiếp xúc ngắn hạn và dài hạn**

**Độ độc cấp tính - Thông tin về sản phẩm**



## BẢN THÔNG TIN AN TOÀN

theo Hệ Thống Hải Hòa Toàn Cầu

**BẢN THÔNG TIN AN TOÀN**  
SỐ: 084983

## MULTIS EP 0

Ngày phát hành: 2016-03-24

Ngày sửa đổi: 2020-03-03

Phiên bản 1.02

**Đường miệng** không được phân loại dựa trên các dữ liệu có sẵn.  
0 % của hỗn hợp có chứa (các) thành phần có độc tính cấp tính qua miệng chưa được biết

**Qua da** không được phân loại dựa trên các dữ liệu có sẵn.  
0 % của hỗn hợp có chứa (các) thành phần có độc tính cấp tính qua da chưa được biết

**Hít phải** không được phân loại dựa trên các dữ liệu có sẵn.  
0 % của hỗn hợp có chứa (các) thành phần có độc tính cấp tính qua hô hấp chưa được biết

### Độ độc cấp tính - Thông tin về thành phần

Tên hóa học	LD50 liều bán tử qua ăn uống	LD50 liều bán tử qua da	LC50 hàm lượng bán tử hít vào
Paraffin oils (petroleum), catalytic dewaxed heavy	LD50 >5000 mg/kg (rat)	LD50 >5000 mg/kg (rabbit)	
Phosphorodithioic acid, mixed O,O-bis(iso-Bu and pentyl) esters, zinc salts	LD50 3600 mg/kg (Rat - OECD 401)	LD50 > 20000 mg/kg (Rabbit - OECD 402)	

**Ăn mòn / kích ứng da** không được phân loại dựa trên các dữ liệu có sẵn. Nhà cung cấp của một hoặc nhiều thành phần chứa trong công thức này đã chỉ ra rằng họ có dữ liệu của các thành phần và /hoặc hỗn hợp tương tự, trong đó khẳng định rằng ở nồng độ sử dụng, thì không yêu cầu phân loại là chất nguy hại.

**Tổn thương/kích ứng mắt nghiêm trọng** không được phân loại dựa trên các dữ liệu có sẵn. Nhà cung cấp của một hoặc nhiều thành phần chứa trong công thức này đã chỉ ra rằng họ có dữ liệu của các thành phần và /hoặc hỗn hợp tương tự, trong đó khẳng định rằng ở nồng độ sử dụng, thì không yêu cầu phân loại là chất nguy hại.

**Mẫn cảm** không được phân loại dựa trên các dữ liệu có sẵn.

**Khả năng gây ung thư** không được phân loại dựa trên các dữ liệu có sẵn

**Khả năng gây đột biến cho thai nhi** không được phân loại dựa trên các dữ liệu có sẵn

**Gây độc cho sinh sản** không được phân loại dựa trên các dữ liệu có sẵn.

**Gây ảnh hưởng cho cơ quan đích (STOT)** Không được biết

**STOT - phơi nhiễm đơn lẻ** không được phân loại dựa trên các dữ liệu có sẵn

**STOT - phơi nhiễm nhiều lần** không được phân loại dựa trên các dữ liệu có sẵn

**Nguy hại đường hô hấp** không được phân loại dựa trên các dữ liệu có sẵn.





## BẢN THÔNG TIN AN TOÀN

theo Hệ Thống Hải Hòa Toàn Cầu

**BẢN THÔNG TIN AN TOÀN**  
SỐ: 084983

## MULTIS EP 0

Ngày phát hành: 2016-03-24

Ngày sửa đổi: 2020-03-03

Phiên bản 1.02

**Các ảnh hưởng có hại khác**

Các tổn thương da đặc trưng (giọt da mỏng nước) có thể phát triển sau khi tiếp xúc kéo dài và lặp lại (tiếp xúc với quần áo nhiễm bẩn).

### 12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

#### Độc tính về mặt sinh thái

không được phân loại dựa trên các dữ liệu có sẵn.

#### **Độc cấp tính cho thủy sinh vật - Thông tin về sản phẩm**

Không có thông tin.

#### **Độc cấp tính cho thủy sinh vật - Thông tin về thành phần**

Tên hóa học	Độc tính đối với tảo	Độc tính đối với bộ nước và thủy sinh không xương sống khác	Độc tính đối với cá	Độc tính đối với các vi sinh vật
Paraffin oils (petroleum), catalytic dewaxed heavy 64742-70-7	NOEL(72h) >100 mg/l (Pseudokirchneriella subcapitata)	EL50(48h) >10000 mg/l (Daphnia magna)	LC50(96h) >100 mg/l (Pimephales promelas)	
Phosphorodithioic acid, mixed O,O-bis(iso-Bu and pentyl) esters, zinc salts 68457-79-4	EbL50 (72h) 21 mg/l (Scenedesmus subspicatus - OECD 201)	EC50 (48h) 23 mg/l (Daphnia magna - OECD 202)	LC50 (96h) 4.5 mg/l (Cyprinodon variegatus - OECD 203)	

#### **Độc mạn tính cho thủy sinh vật - Thông tin về sản phẩm**

Không có thông tin.

#### **Độc mạn tính cho thủy sinh vật - Thông tin về thành phần**

Tên hóa học	Độc tính đối với tảo	Độc tính đối với bộ nước và thủy sinh không xương sống khác	Độc tính đối với cá	Độc tính đối với các vi sinh vật
Phosphorodithioic acid, mixed O,O-bis(iso-Bu and pentyl) esters, zinc salts 68457-79-4		NOEC(21d) 0.8 mg/l Daphnia magna		

**Các ảnh hưởng lên các sinh vật trên cạn** Không có thông tin.

#### Độ bền và khả năng phân hủy



## BẢN THÔNG TIN AN TOÀN

theo Hệ Thống Hải Hòa Toàn Cầu

**BẢN THÔNG TIN AN TOÀN**  
SỐ: 084983

## MULTIS EP 0

Ngày phát hành: 2016-03-24

Ngày sửa đổi: 2020-03-03

Phiên bản 1.02

Không có thông tin.

### Khả năng tích tụ sinh học

Thông tin về sản phẩm Không có thông tin.

logPow Không có thông tin

### Thông tin về thành phần

Tên hóa học	log Pow
Phosphorodithioic acid, mixed O,O-bis(iso-Bu and pentyl) esters, zinc salts - 68457-79-4	0.69

### Tính linh động

**Đất** Với các đặc tính vật lý và hóa học đã biết, sản phẩm không linh động trong đất.  
**Không khí** Ít mất mát do bay hơi.  
**Nước** Sản phẩm này không tan và nổi trên mặt nước.

### Các ảnh hưởng có hại khác

Thông tin chung Không có thông tin.

## 13. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

**Chất thải từ cặn dư/ sản phẩm chưa sử dụng** Không được thải vào môi trường. Không được đổ vào cống rãnh. Thải bỏ theo luật và quy định hiện hành về môi trường của quốc gia.

**Bao bì nhiễm bẩn** Các thùng chứa rỗng cần được đưa tới cơ sở xử lý chất thải được phê duyệt để tái chế hoặc hủy bỏ.

**Các thông tin khác** Tham khảo phần 8 về các biện pháp an toàn và bảo vệ cho các nhân viên làm công việc thải bỏ.

## 14. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

**ADR/RID** Không được qui định

**IMDG/IMO** Không được qui định

**ICAO/IATA** Không được qui định



## BẢN THÔNG TIN AN TOÀN

theo Hệ Thống Hải Hòa Toàn Cầu

**BẢN THÔNG TIN AN TOÀN**  
SỐ: 084983

## MULTIS EP 0

Ngày phát hành: 2016-03-24

Ngày sửa đổi: 2020-03-03

Phiên bản 1.02

**ADN**

Không được qui định

### 15. QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT

**Danh Mục các luật Quốc Tế**

Không có thông tin

**Các thông tin bổ sung**

Không có thông tin

**Thông tin quy định quốc gia**

Không có thông tin

### 16. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Ngày phát hành: 2016-03-24  
Ngày sửa đổi: 2020-03-03  
Ghi chú về sửa đổi: Không có thông tin.

**Chữ viết tắt, từ viết tắt**

ACGIH - American Conference of Governmental Industrial Hygienists = Hiệp hội vệ sinh công nghiệp của chính phủ Hoa Kỳ

bw = body weight = cân nặng cơ thể

bw/day = body weight/day = cân nặng cơ thể/ngày

EC x = Effect Concentration associated with x% response = Nồng độ gây ảnh hưởng kết hợp với x% phản ứng

GLP = Good Laboratory Practice = thực hành tốt phòng thí nghiệm

IARC = International Agency for Research of Cancer = Cơ quan quốc tế nghiên cứu ung thư

LC50 = 50% Lethal concentration = 50% hàm lượng gây chết người - hàm lượng của một chất hóa học trong không khí hoặc một hóa chất trong nước gây ra 50% cái chết (một nửa) của một nhóm các động vật thử nghiệm

LD50 = 50% Lethal Dose = 50% liều gây chết người - Khối lượng hóa chất, cho một lần, gây ra 50% cái chết (một nửa) của một nhóm các động vật thử nghiệm

LL = Lethal Loading = nồng độ gây chết người

NIOSH = National Institute of Occupational Safety and Health = Viện An toàn và sức khỏe nghề nghiệp Quốc gia

NOAEL = No Observed Adverse Effect Level = Mức độ không gây ảnh hưởng có hại quan sát được

NOEC = No Observed Effect Concentration = Nồng độ không gây ảnh hưởng quan sát được

NOEL = No Observed Effect Level = Mức độ không gây ảnh hưởng quan sát được

OECD = Organization for Economic Co-operation and Development = Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế

OSHA = Occupational Safety and Health Administration = Hệ thống quản lý sức khỏe và an toàn nghề nghiệp

UVCB = Substance of unknown or Variable composition, Complex reaction products or Biological material = chất của thành phần không biết hoặc biến đổi, các sản phẩm phản ứng phức tạp hoặc các vật liệu sinh học

ATE = Acute Toxicity Estimate = Giá Trị Ước Tính Độ Độc Cấp Tính

QSAR = Quantitative Structure-Activity Relationship = Mối Quan Hệ Định Lượng Giữa Cấu Trúc - Hoạt Tính



## BẢN THÔNG TIN AN TOÀN

theo Hệ Thống Hải Hòa Toàn Cầu

**BẢN THÔNG TIN AN TOÀN**  
SỐ: 084983

## MULTIS EP 0

Ngày phát hành: 2016-03-24

Ngày sửa đổi: 2020-03-03

Phiên bản 1.02

EL50 = median Effective Loading  
 NOELR = No Observed Effect Loading Rate  
 PAH = Polycyclic aromatic hydrocarbons = Các hydrocacbon thơm đa vòng  
 LOEC = Lowest Observed Effect Concentration  
 PVA = Polyvinyl alcohol = Polyvinyl alcol  
 PVC = Polyvinyl chloride = Polyvinyl clorua  
 ECOSAR = Ecological Structure Activity Relationships  
 CNS = Central nervous system = Hệ thần kinh trung ương  
 EPA = Environmental Protection Agency = Cơ Quan Bảo Vệ Môi Trường  
 ErL50 = effective loading on growth rate in algae test, to cause a 50% response  
 EbL50 = effective loading on growth with the control in algae test, to cause a 50% response

### Ghi chú

Phần 8

ACGIH - American Conference of Governmental Industrial Hygienists = Hiệp hội vệ sinh công nghiệp của chính phủ Hoa Kỳ  
 TWA - Time Weight Average = Trung bình tính theo thời gian  
 STEL - Short Term Exposure Limits = Ngưỡng tiếp xúc ngắn hạn  
 S\* - Skin notation = Chỉ da Ceiling: Giá trị giới hạn tối đa

**Bảng Thông tin an toàn để hoàn thiện nhưng không thay thế cho bảng thông số kỹ thuật sản phẩm. Các thông tin trong này dựa trên sự trung thực và chính xác theo sự hiểu biết của chúng tôi tính đến thời gian phát hành. Người sử dụng phải hiểu rằng việc sử dụng sản phẩm ngoài mục đích đã đưa ra, có thể gây nguy cơ tiềm ẩn. Những thông tin cung cấp ở đây không nhằm hạn chế người sử dụng biết và áp dụng các điều quy định trong hoạt động của họ. Người sử dụng chịu trách nhiệm pháp lý về biện pháp phòng ngừa cần thiết khi sử dụng sản phẩm. Các nội dung theo quy định được dẫn giải nhằm giúp người sử dụng hoàn thành bổn phận. Danh sách này không được xem là hoàn chỉnh và bao hàm hết mọi khía cạnh. Trách nhiệm của người sử dụng là tuân thủ các quy định đã đề cập**

**Hết bảng dữ liệu an toàn**